

Bản án số: 74/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 15-5-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hằng và ông Nguyễn Viết Hằng

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2026/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1993. CCCD số : 040193021412

Địa chỉ: Thôn Đ, phường T, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, phường T, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Số G, làng mới W, thị trấn Z, huyện M, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Thế H1 (ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng).

Địa chỉ: Số C đường N, phường H, nay là phường T, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988; CCCD: 040195036458

Địa chỉ: Thôn Đ, phường T, tỉnh Nghệ An; vắng mặt

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, phường T, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1966; vắng mặt

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1967; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, phường T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2025, bản tự khai và tại phiên toà chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T tự nguyện yêu nhau và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q nay là phường T, tỉnh Nghệ An ngày 21/02/2011. Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xung đột nhau trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng trở nên căng thẳng và không thể chung sống với nhau được nữa. Hiện nay anh T đang ở Đài Loan chị cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở Đài Loan. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Nhật T1, sinh ngày 04/9/2016, hiện tại con chung đang ở với ông bà nội là Hoàng Văn L, bà Trần Thị B. Tại đơn khởi kiện chị có nguyện vọng giao các con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm giao con cho ông Hoàng Văn L và bà Trần Thị B chăm sóc.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30/4/2026, chị H về nước và chấm dứt toàn bộ hợp đồng lao động tại Đài Loan, chị không còn cư trú tại Đài Loan nữa. Nên chị có ý kiến xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn T vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Tòa án cũng đã gửi công văn cho Phòng Q – Công an tỉnh N và được biết hiện nay anh T xuất cảnh khỏi Việt Nam ngày 16/12/2019, chưa có thông tin về nước. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn đề nghị gia đình anh Hoàng Văn T cung cấp thông tin, địa chỉ của anh T ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B và ông Hoàng Văn L trình bày: Ông bà đã nhận được giấy báo làm việc của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An nhưng do ở xa, không biết đi xe nên không đến Tòa được. Chị H và anh T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q năm 2011. Sau khi cưới vợ chồng

chung sống bình thường đến năm 2020 anh T đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, sau đó chị H cũng sang Đài Loan được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như thế nào ông bà cũng không được biết. Anh T và chị H có 02 con chung là Hoàng Nhật T1, sinh ngày 2010/2012 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 11/01/2015. Từ khi vợ chồng anh T chị H đi nước ngoài đến nay các cháu đều sống với ông bà khỏe mạnh phát triển bình thường. Chị H, anh T cũng gửi tiền về cho ông bà nuôi các cháu nên không đề nghị anh T, chị H phải trả tiền chăm sóc nuôi con. Anh T cũng thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, facebook. Gia đình cũng đã thông báo cho anh T biết về việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T nói rằng tùy chị H giải quyết, về con thì anh xin được nuôi con và có nhờ bố mẹ chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu cho đến khi anh T về nước và ông bà cũng nhất trí như vậy.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2026, cháu Hoàng Nhật T1 và cháu Hoàng Ngọc D có ý kiến xin được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T: Anh Hoàng Văn T và chị Lê Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q nay là phường T, tỉnh Nghệ An đúng quy định pháp luật. Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Hoàng Nhật T1, sinh ngày 2010/2012 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 11/01/2015, hiện đang ở với ông bà nội là Hoàng Văn L và Trần Thị B. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không được biết. Chị H làm đơn ly hôn, nuôi con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T; Về con chung: Giao con chung Hoàng Nhật T1, sinh ngày 2010/2012 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 11/01/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị H không yêu cầu; về tài sản không xem xét vì đương sự không yêu cầu; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn khởi kiện ngày 21/02/2025 gửi tới Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn T. Toàn bộ đơn khởi kiện và tài liệu chị H gửi kèm theo đều đã được chứng thực tại Văn phòng K tại Đ. Tuy nhiên đến ngày 30/4/2026, chị H đã về nước và không lao động, cư trú tại Đài Loan nữa. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì anh Hoàng Văn T đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại Thôn Đ, xã Q, nay là thôn Đ, phường T, tỉnh Nghệ An. Chị Lê Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con với anh Hoàng Văn T, đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Trước khi xuất cảnh anh T cư trú tại Thôn Đ, phường T, tỉnh Nghệ An. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập được, kết quả xác minh Phòng Xuất nhập cảnh – Công an tỉnh N; lời trình bày của bà Trần Thị B là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn T thì có căn cứ xác định hiện nay anh T đang cư trú tại nước ngoài và vẫn liên lạc về với gia đình. Anh T đã biết được việc chị Lê Thị H làm đơn xin ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An nhưng anh T không cung cấp địa chỉ và gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh T cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh cho Tòa án. Do đó, việc anh Hoàng Văn T vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Anh T đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An nay là phường T, tỉnh Nghệ An ngày 21/02/2011. Vì vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về căn cứ ly hôn: Quá trình chung sống chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ gần mười năm nay, nguyên nhân theo chị H là do không hợp nhau, hay cãi nhau, hai bên sống xa nhau mà không quan tâm nhau; bà

B mẹ anh T cho biết hai bên cũng đã mâu thuẫn từ lâu, từ khi chị H đi nước ngoài được một thời gian. Điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, nên cần xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Hoàng Nhật T1, sinh ngày 2010/2012 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 11/01/2015. Từ khi anh T chị H đi xuất khẩu lao động thì ở với ông bà nội khỏe mạnh, đi học bình thường. Theo thông tin của bà B thì anh T cũng muốn được nuôi con. Tuy nhiên xét thấy hiện nay chị H đã về nước, đã chấm dứt hoàn toàn lao động tại Đài Loan và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Từ khi đi nước ngoài thì chị vẫn gửi tiền về cho ông L bà B để nuôi con. Điều đó cho thấy chị cũng yêu thương và tận tâm chăm sóc, lo lắng cho các con. Hơn nữa, các cháu cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Anh T hiện nay vẫn đang ở nước ngoài, không thể trực tiếp, sát sao nuôi dưỡng, giáo dục con được. Vì vậy cần giao các con chung của chị H anh T cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, cũng đảm bảo quyền lợi của các cháu và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Người có quyền lợi liên quan ông Hoàng Văn L và bà Trần Thị B không có yêu cầu gì về tính tiền công sức nuôi con cho chị Lê Thị H và anh Hoàng Văn T từ trước đến nay cho đến khi chị H về nước nhận con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.5] Về tài sản: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Văn T không yêu cầu giải quyết. Nếu các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2.2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Nhật T1, sinh ngày 2010/2012 và Hoàng Ngọc D, sinh ngày 11/01/2015 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T vì chị H không yêu cầu. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

Anh Hoàng Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị H và anh Hoàng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án sẽ giải quyết khi đương sự có đơn yêu cầu bằng một vụ án dân sự khác.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0007789 ngày 07/5/2025.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Hoàng Văn L, bà Trần Thị B có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 4 – Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND phường Tân Mai (xã Quỳnh Lập cũ nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu HS.

Trần Ngọc Hà